

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2024/DS-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Đoan Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 57/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1600/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1541/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2(J).

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà C, số G N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Taniguchi N – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Trần Việt N1 – Phó Bộ phận Quản lý công nợ.

(Theo Giấy ủy quyền số 17/2023/UQ-JIVF ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổng Giám đốc)

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1.Chị Lê Thị T, sinh năm 2001

2. Anh Trần Duy T1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số I N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 23 tháng 5 năm 2024)

Bị đơn: Bà Tạ Thị Ngọc K, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số nhà G đường H, khu V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản tố tụng khác, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 07/6/2019 giữa Công ty T2 (JIVF) và bà Tạ Thị Ngọc K ở phường B, thị xã A có ký kết hợp đồng tín dụng số 6323000000451000, số tiền vay là 35.000.000đ, mức lãi suất thỏa thuận là 4,1772%/tháng, mục đích vay mua xe máy, số tiền trên giải ngân vào ngày 11/6/2019, thời hạn trả nợ 24 hàng tháng, kỳ hạn trả nợ theo tháng, vốn và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ, thỏa thuận ngày trả tiền vào ngày 12 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 2.337.378đ, ngày trả nợ kỳ đầu là 12/7/2019, ngày trả nợ kỳ cuối cùng là 12/6/2021 số tiền thanh toán kỳ cuối là 2.566.531đ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến kỳ hạn trả nợ bà K không trả tiền cho bên cho vay. Nay Công ty T2 JACCS yêu cầu bà Tạ Thị Ngọc K có nghĩa vụ trả nợ ngay số tiền vay là: **56.374.549đ** trong đó nợ gốc là 35.000.000đ, lãi trong hạn là 19.851.507đ, lãi quá hạn là 1.523.042đ.

Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc K trình bày: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà được biết nhưng bà K không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà K vẫn cố tình vắng mặt nên trong hồ sơ không thể hiện lời khai của bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 . Buộc bà Tạ Thị Ngọc K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 số tiền là: 56.374.549đ (trong đó nợ gốc là 35.000.000đ, lãi trong hạn là 19.851.507đ, lãi quá hạn là 1.523.042đ)

Về án phí: Buộc bà Tạ Thị Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Công ty T2, tên viết tắt là (JIVF) khởi kiện yêu cầu bà Tạ Thị Ngọc K thanh toán khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc K ở tại phường B, thị xã A, nên theo Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn được ủy quyền lại chị Lê Thị T có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn bà Tạ Thị Ngọc K vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bà Tạ Thị Ngọc K thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà K vẫn cố tình vắng mặt, bà không đến Tòa làm việc, từ bỏ quyền tham gia tố tụng vụ án nên theo Điều 70, 73 và Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ tại hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4]. Nguyên đơn khởi kiện cung cấp bản sao hợp đồng cho vay tiêu dùng số HDTD 63230000000451000 ngày 07/6/2019 giữa Công ty T2 và bà Tạ Thị Ngọc K với các điều khoản thỏa thuận tại các hợp đồng cũng như điều khoản vay tín dụng phù hợp với các Điều 91, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên các giao dịch trên có hiệu lực pháp lý.

[5] Theo các chứng từ do Công ty T2 cung cấp thể hiện: Vào ngày 07/06/2019 giữa JIVF với bà Tạ Thị Ngọc K có ký kết hợp đồng tín dụng, số tiền vay là 35.000.000đ, mức lãi suất thỏa thuận 4,1772%/tháng, mục đích vay mua xe máy, thời hạn trả nợ 24 hàng tháng, vốn và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ, chi tiết theo lịch trả nợ, ngày trả lãi vào ngày 12 hàng tháng, vốn gốc trả mỗi kỳ là 2.337.378đ, đến kỳ hạn trả nợ bên vay không trả thì bên cho vay áp dụng theo quy định phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/07/2019 nhưng từ đó đến nay bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên cho vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà K biết JIVF khởi kiện nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của JIVF. Qua trên giao dịch hai bên phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc thỏa thuận lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận. Các bên thỏa thuận mức lãi suất cao hơn mức trần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhưng không vi phạm. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng, bà K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền cho JIVF từ ngày 12/7/2019 cho đến khi bà thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất trong hạn 4,1772 %/tháng và tính 50,1264% năm nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vi phạm hợp đồng, nên lãi suất quá hạn là 75,1896% năm. Theo khoản 4 của hợp đồng tín dụng thì tiền vay chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận là 150% lãi suất trong hạn. Tính từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày xét xử (ngày 09/9/2024) là 1886 ngày. Nhưng theo chứng cứ bảng kê tiền lãi do JIVF cung cấp tại hồ sơ và nguyên đơn được ủy quyền chỉ yêu cầu tổng tiền lãi 21.374.549đ, lãi trong hạn là 19.851.507đ, lãi quá hạn là 1.523.042đ, lãi suất chi tiết theo bảng kê tiền đã nộp cho Tòa, lãi suất nằm trong khung lãi suất cho vay tiêu dùng, số tiền lãi thấp hơn so với thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cụ thể lãi suất quá hạn chỉ tính là 25,0633% / năm, nên HĐXX ghi nhận yêu cầu của JIVF.

[7]. Công ty T2 chỉ yêu cầu bà K có trả nợ số tiền vay gốc và lãi là: **56.374.549đ**, tiền lãi tính đến trước ngày 11/6/2024, không yêu cầu bà K trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng của ngày tiếp theo ngày xét xử. Thời điểm thanh toán tiền khi bản án có hiệu lực. Yêu cầu trên bảo đảm quyền lợi cho bị đơn nên Tòa ghi nhận.

[8]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Tạ Thị Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của JIVF được Tòa án chấp nhận, tiền án phí là $56.374.549đ \times 5\% = 2.818.727$ đồng. JIVF không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các khoản 2 Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 98, 100 của Luật các Tổ chức tín dụng ; Điều 7,8 Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2. Buộc bà Tạ Thị Ngọc K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 số tiền là **56.374.549đ** (Năm mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 21.374.549đ (Hai mươi một triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Tạ Thị Ngọc K phải chịu 2.818.727đ (Hai triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm . Hoàn trả cho Công ty T2 1.409.364đ (Một triệu bốn trăm lẻ chín nghìn, ba trăm sáu mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005417 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh

